

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/8/2022
V/v xin ly hôn, nghĩa vụ
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐ-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tòng Văn L, sinh năm 1980. Nơi ĐKKHKT: Bản Q, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Cẩm Thị T, sinh năm: 1982. Nơi ĐKKHKT: Bản Q, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Ngọc Chiến – Luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật Tây Bắc. Địa chỉ: Tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Tòng Văn T, sinh năm 1974. Trú quán: Bản Q, xã Chiềng Ban, Mai Sơn, Sơn La (trưởng bản). Có mặt.

+ Ông Tòng Văn Đ, sinh năm 1958. Trú quán: Xã Chiềng Dong, Mai Sơn, Sơn La. Có mặt.

+ Bà Cẩm Thị C, sinh năm 1971. Trú quán: Bản Q, xã Chiềng Ban, Mai

Sơn, Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lèo Văn T, sinh năm 1967. Trú quán: Bản Q, xã Chiềng Ban, Mai Sơn, Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Tòng Văn L trình bày như sau:

Anh L và chị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 2000. Đến năm 2019 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ban và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/12/2019. Từ năm 2019 anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường xuyên ghen tuông vô cớ không chăm lo cuộc sống gia đình, hơn nữa lại mê tín dị đoan, thường xuyên đi xem bói toán và nghe lời thầy bói về làm lễ cúng, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Công việc của anh L là chạy lái xe thường xuyên tiếp xúc với nhiều học viên khác nhau, chị T không tin tưởng anh, nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình làm ảnh hưởng đến công việc và các quan hệ xã hội khác của anh L. Gia đình thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, chị T nhiều lần cam kết sửa đổi nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Tòng Mạnh Lâm, sinh ngày 15/3/2001 và Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006. Cháu Lâm đã trưởng thành, cháu Hưng hiện ở cùng chị T. Sau khi ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của cháu Hưng, giao cháu Hưng cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu Hưng trưởng thành. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức cấp dưỡng 1.000.000VNĐ đến 1.200.000VNĐ/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh L xác nhận vợ chồng có tài sản chung, tuy nhiên khi giải quyết ly hôn tại Tòa án, anh không đề nghị Tòa án giải quyết mà sẽ tự thỏa thuận, thống nhất với chị T và gia đình.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2022, toàn bộ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Cẩm Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn L kết hôn với nhau từ năm 2000. Anh chị chung sống với nhau được 20 năm hòa thuận hạnh phúc cùng làm ăn tạo dựng kinh tế, anh L đi chạy lái xe tiếp xúc với nhiều người nên có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác không chung thủy với chị T. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc anh L đòi ly hôn với chị. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình hai bên động viên hàn gắn, nhưng sau đó vợ chồng lại mâu thuẫn. Chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là là Tòng Mạnh Lâm sinh ngày 15/3/2001 và Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006. Cháu Lâm đã trưởng thành, cháu Hưng hiện ở cùng chị T. Nếu buộc phải ly hôn chị sẽ có trách nhiệm nuôi cháu Hưng trưởng thành và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Mức cấp dưỡng chị yêu cầu anh L thực hiện là 2.000.000VNĐ/ tháng.

Tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị không đề nghị tòa án giải quyết vì chị không nhất trí ly hôn. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, toàn bộ nhà và đất chị là người đang quản lý, sử dụng để nuôi cháu Hưng, trong trường hợp sau khi ly hôn anh L đòi chia tài sản, chị mới yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:* Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T, bác yêu cầu xin ly hôn của anh L vì chưa đủ căn cứ ly hôn. Trong trường hợp giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn, đề nghị Tòa án xác minh làm rõ về điều kiện nuôi con chung để giao con cho bên có đủ điều kiện nuôi dưỡng. Về tài sản chung, mặc dù các đương sự không yêu cầu giải quyết nhưng cần phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ số tài sản chung, nợ chung để phân chia đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng theo Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể, đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú. Ghi ý kiến con chung anh L, chị T. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra Tòa án đã tiến hành triệu tập một số người làm chứng đến phiên tòa để xem xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về tình cảm: Xử cho ly hôn giữa anh Tòng Văn L và chị Cầm Thị T. Về con chung: Giao cháu Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Hưng trưởng thành, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hưng cùng chị T mức 2.000.000VNĐ/ 1 tháng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 09/6/2022, anh Tòng Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Cầm Thị T, có nơi cư trú bản Q, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình giải quyết vụ án, có tranh chấp với nhau về quan hệ hôn nhân và trách nhiệm, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và tranh chấp mức cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phạm vi giải quyết vụ án và quyền của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung chứng cứ cho việc giải quyết thêm phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về phần quan hệ hôn nhân, nghĩa vụ nuôi con chung. Đối với tài sản chung, nợ chung các đương sự không cung cấp chứng cứ và không yêu cầu giải quyết. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chỉ giải quyết về phần quan hệ hôn nhân, nghĩa vụ con chung là trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Đối với phần tài sản chung, nợ chung do các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét giải quyết mà cần tách ra để giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lường Ngọc Chiến đề nghị Hội đồng xét xử cho Luật sư được quyền tranh luận lại với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Căn cứ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự tại phần tranh luận trong vụ án dân sự, không quy định về quyền được tranh luận giữa các đương sự, người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của đương sự với Kiểm sát viên. Do đó yêu cầu của Luật sư không được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] *Về hôn nhân:* Anh Tòng Văn L và chị Cẩm Thị T chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 2000. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 11/12/2019. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Các đương sự cho rằng có đăng ký kết hôn từ năm 2000 tại UBND xã Chiềng Ban, tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã Chiềng Ban xác định không có dữ liệu đăng ký kết hôn của anh L chị T năm 2000, đến ngày 11/12/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn. Do đó, tại thời điểm giải quyết ly hôn, xác định anh chị là vợ chồng hợp pháp.

Anh L chị T đều xác định thời điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do chị T mê tín dị đoan, ghen tuông vô cớ, có nhiều hành vi đối xử không chuẩn mực về đạo đức làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi vã, tình cảm rạn nứt. Sự việc mâu thuẫn nhiều lần đã được gia đình hòa giải, ban quản lý bản có tham gia và lập biên bản để chị T cam đoan sửa chữa nhưng sau đó chị T không sửa chữa. Theo chị T, anh chị mâu thuẫn là do anh L không chung thủy với vợ, có quan hệ bất chính bên ngoài với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn chị, chị không nhất trí ly hôn.

Xét thấy, căn cứ vào kết quả xác minh tại ban quản lý bản Q, xã Chiềng Ban, Mai Sơn và ý kiến của những người làm chứng tại phiên tòa gồm các anh, chị của anh L và chị T xác định: Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do chị T nghi ngờ anh L có quan hệ ngoại tình. Từ nguyên nhân đó, vợ chồng thường xuyên bất hòa, chị T ghen tuông đã có nhiều hành vi cư xử gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình. Những người làm chứng tại phiên tòa cho rằng, quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và ban quản lý bản khuyên bảo nhiều lần, các đương sự có cam kết sửa chữa những khuyết điểm nhưng sau đó lại tiếp tục mâu thuẫn, nên vợ chồng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Tại phiên tòa anh L cương quyết xin ly hôn, chị T không nhất trí ly hôn nhưng cũng không có hướng để sửa đổi cách sống, không có giải pháp để hàn gắn tình cảm. Các đương sự thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm nhau. Chị T cho rằng anh L có quan hệ ngoại tình nhưng không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn của anh chị đã nhiều lần được gia đình hai bên hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn và không còn chung sống cùng nhau. Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giải quyết cho ly hôn vì vợ chồng không còn cách nào để hàn gắn tình cảm được. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị T.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là là Tòng Mạnh Lâm, sinh ngày 15/3/2001 và Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006. Cháu Lâm đã trưởng thành, cháu Hưng hiện ở cùng chị T. Tại phiên tòa chị T xin được trực tiếp nuôi cháu Hưng, còn anh L đề nghị xem xét nguyện vọng của con chung. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cần tiến hành xác minh cụ thể về điều kiện của cha mẹ để giao con cho bên có đủ điều kiện theo quy định. Quá trình tranh tụng các đương sự thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, anh L nhận cấp dưỡng nuôi cháu Hưng 2.000.000VNĐ/tháng, thời điểm từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu Hưng trưởng thành. Cháu Hưng có nguyện vọng ở cùng chị T.

Xét thấy, hiện nay cháu Tòng Minh Hưng đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, theo ý kiến của các đương sự thì chị T có đủ điều kiện về chỗ ở để chăm sóc con chung, anh L nhận cấp dưỡng 2.000.000VNĐ/tháng là phù hợp với thực tế và đúng quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng này của các đương sự.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh L không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản, nợ chung. Chị T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng do không nhất trí ly hôn và cho rằng chị vẫn đang là người quản lý tài sản chung. Tại mục [1.2] đã phân tích, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung là nằm trong phạm vi yêu cầu của các đương sự. Nếu có tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử khi giải quyết ly hôn cần phải giải quyết cả phần tài sản chung, nợ chung, tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản là giải quyết ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự, trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2.4] *Về án phí, lệ phí Tòa án*:

Anh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tòng Văn L và chị Cẩm Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Mạnh Lâm, sinh ngày 15/3/2001 (đã trưởng thành) và cháu Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006. Giao cháu Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hưng trưởng thành, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hưng cùng chị T mức 2.000.000VNĐ/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 trở đi đến khi cháu Hưng trưởng thành (và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, Anh L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh L không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, chị T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định.

4. Về án phí:

Anh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số: AA/2021/0001606 ngày 11/5/2022. Anh L còn phải nộp tiếp 300.000VNĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 ngày 5 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tòng Văn L, sinh năm 1980. Nơi ĐKKHKT: Bản Q, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Chị Cẩm Thị T, sinh năm: 1982. Nơi ĐKKHKT: Bản Q, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về yêu cầu của đương sự và người bảo vệ quyền lợi của đương sự:

- Tại phiên tòa Luật sư của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung chứng cứ để giải quyết thêm phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, xét thấy: Căn cứ các ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về phần quan hệ hôn nhân, nghĩa vụ nuôi con chung. Đối với tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết về phần quan hệ hôn nhân, con chung nằm trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Đối với phần tài sản chung, nợ chung do các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét giải quyết mà cần tách ra để giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định.

- Luật sư của bị đơn còn đề nghị Hội đồng xét xử cho phép Luật sư được tranh luận lại với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Căn cứ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự không quy định về quyền được tranh luận giữa các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự với kiểm sát viên. Do đó yêu cầu của Luật sư không được chấp nhận.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Tòng Văn L và Cẩm Thị T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là là Tòng Mạnh Lâm, sinh ngày 15/3/2001 (đã trưởng thành) và cháu Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006. Giao cháu Tòng Minh Hưng, sinh ngày 11/8/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hưng trưởng thành, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hưng cùng chị T mức 2.000.000VNĐ/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 trở đi đến khi cháu Hưng trưởng thành (và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, Anh L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung: Anh L không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, chị T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. 5. Về án phí: Anh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số: AA/2021/0001222 ngày 11/10/2021.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**